

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 202/2024/DS-ST

Ngày: 31/07/2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đông;

2. Bà Ngô Thị Yêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 12/4/2024 về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 16/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, TP .

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Chị Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1989; trú tại 1 Đường ¾, Phường C, Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Anh Lê Đình N, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1984; cư trú tại: **Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

+Cháu **Lê Tú U** (sinh năm 2016) (con anh **N**, chị **D**).

+Cháu **Lê Quỳnh L1** (sinh năm 2018) (con anh **N**, chị **D**)

Các cháu **U**, **L1** do chị **D** anh **N** đại diện).

*Người đại diện theo ủy quyền của anh **N**, chị **D***: Chị **Lê Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1984; cư trú tại: **Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

+ Anh **Lê Đình N1**, sinh năm 1974; cư trú tại: **Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1950; cư trú tại: **Thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

Có mặt: Chị **D**.

Vắng mặt: Bà **L**, chị **B**, chị **D**, bà **B1**, anh **N1** (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày:*

Bà **Nguyễn Thị L** có chồng là ông **Lê Đình Đ1** (đã chết năm 2017 - theo trích lục khai tử số 870/TLKT-BS do **UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** cấp ngày 30/7/2020).

Năm 1977, bà **L** kết hôn với ông **Lê Đình Đ1**, sinh năm 1945 (Nguyên quán: **thị trấn N, T, Thanh Hóa**), cả hai có đăng ký kết hôn tại **xã V, Đ, Hà Nội**. Sau khi kết hôn được chưa đầy năm thì ông **Đ1** chuyển đi nơi khác ở, không rõ địa chỉ. Bà **L** có đến công ty nơi ông **Đ1** làm việc thì **công ty B3** ông **Đ1** đã chết. Do không hiểu biết về pháp luật nên bà **L** chưa làm thủ tục ly hôn với ông **Đ1**. Sau khi biết thông tin ông **Đ1** đã chết, bà **L** có phát sinh tình cảm với người khác. Năm 1984, bà **L** sinh chị **Lê Thị D**. Năm 1988, bà **L** sinh anh **Lê Đình N**. Do chưa ly hôn với ông **Đ1** nên bà **L** đã thực hiện thủ tục khai sinh cho chị **D** với anh **N** có cha là ông **Lê Đình Đ1**.

Bố mẹ bà **L** là cụ **Nguyễn Trọng C** và cụ **Nguyễn Thị B2**. Cụ **C** và cụ **B2** có 2 con là bà **L** và bà **Nguyễn Thị H** (chị của bà **L**). Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56, diện tích 178m² tại **thôn G (G), V, Đ, Hà Nội** là do cụ **C**, cụ **B2** cho bà **L**. Năm 2002, bà **L** xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 diện tích 178m² tại **thôn G (G), V, Đ, Hà Nội**. **UBND huyện Đ** đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà **L** gồm có bà **L** và chị **D**, anh **N**. Trên thửa đất có căn nhà ngói cũ 5 gian xây từ lâu, bà **L**

không nhớ rõ năm. Đến năm 1984, bà L phá gian nhà ngói 5 gian đi xây lại. Ông Đ1 sau khi kết hôn đã bỏ đi không rõ địa chỉ cũng không có công sức đóng góp gì trong đối với với thửa đất cũng như tài sản trên đất. Ông Đ1 đã chết năm 2017. Ông Đ1 có 2 người con riêng là Lê Thị B và Lê Đình N1. Bà L xác định đây là tài sản có nguồn gốc của cha ông bà để lại cho riêng bà, không phải là tài sản chung của bà với ông Lê Đình Đ1. Nay do có nhu cầu tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai bà L là anh Lê Đình N thì bà L được biết giấy chứng nhận kết hôn của bà L và ông Đ1 vẫn còn nên không thể thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Vậy bà L khởi kiện chị B yêu cầu giải quyết:

- Xác định quyền sử dụng thửa đất đất thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 diện tích 178m² tại thôn G (G), V, Đ, Hà Nội thuộc về bà Nguyễn Thị L. Các tài sản trên đất thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L, anh Lê Đình N.

- Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 diện tích 178m² tại thôn G (G), V, Đ, Hà Nội.

Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2024, bị đơn chị Lê Thị B trình bày như sau:

Chị Lê Thị B có mẹ là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1949, anh trai là Lê Đình N1, sinh năm 1974. Năm chị B 14 tuổi, bà B1 không có khả năng nuôi chị B ăn học nên đã gửi chị B cho người quen của bà tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay, chị B đang công tác tại Khoa Ngoại Chấn Thương, Bệnh viện Đa khoa tỉnh L, có chồng là Võ Đình L2, sinh năm 1988; vợ chồng chị B có quán ăn nhỏ trong thành phố, anh chị có 02 con gái là Võ Lê Hoài A (sinh năm 2018) và Võ Lê Hoài A1 (sinh năm 2023).

Chị B không tìm hiểu về bố nhiều, chỉ nghe bà B1 kể là khi bà B1 có anh N1 thì bố của chị là ông Đ1 cũng bỏ đi. Sau thời gian, ông Đ1 quay lại xin bà B1 tha thứ và khi bà B1 có bầu chị B thì một lần nữa ông Đ1 lại bỏ bà B1 và chị B đi hẳn. Bà B1 kể khi hoàn tất thủ tục ly hôn với bà B1 thì ông Đ1 ra Hà Nội ở cùng bà L.

Chị B không biết mặt bố, năm 2016, anh N1 nhìn thấy ông Đ1 trên mạng xã hội Facebook, ông bị ốm nằm tại Bệnh viện Đ4, không người thân, không tiền bạc nên những người nằm viện chung họ đăng lên mạng xã hội xin từ thiện cho ông. Bà B1, anh N1 và chị B đã đón ông về ngay sau đó, ông Đ1 ở cùng với bà B1, anh N1, chị B được 02 ngày thì mất.

Chị B không biết gì về gia đình bà L, cho đến khi gia đình bà L tìm đến chị. Vợ chồng anh N, chị Đ tìm đến mẹ con bà B1 trao đổi một số vấn đề như: Anh N, chị Đ, anh Đào là anh em cùng cha khác mẹ với chị B, lô đất này là do mẹ của bà L để lại, xin bà B1, anh N1 và chị B từ chối quyền thừa kế.

Bà B1 khuyên chị B và anh N1 nên ký cho gia đình anh N và đi lại với gia đình anh N nếu họ thiện chí. Ngày anh N và chị Đ vào nhà, chị B thấy bà B1 và anh N1 khá vui vẻ, anh

N1 đã ký ngay sau đó. Sau khi xong phần anh **N1**, anh **N** và chị **Đ** đã liên hệ với chị **B** để vào **Đ** nhờ chị **B** ký và chị **B** không thấy thiện chí qua cách cư xử của anh **N** và chị **Đ**. Chị **B** muốn biết về nguồn gốc của tài sản này có phần công sức của ông **Đ1** hay không thì anh **N** nói không có giấy tờ gì để chứng minh. Khi thấy chị **B** chưa ký thì chị **Đ** lại nhắn tin qua Zalo cho chị **B** nói là bà **L** mới cho chị **Đ** biết thông tin anh **Nghĩa 1** con riêng mà bà **L** xin về nuôi.

Bà **B1**, anh **N1** nghĩ cùng chung dòng máu với bố nên anh **N1** ngại va chạm và đã ký cho anh **N**. Anh **N** có nói là nếu ký cho anh **N** thì anh còn đi lại nhận anh em. Nhưng anh **Nghĩa 1** con nuôi của bà **L** thì anh **N** và chị **B**, anh **N1** là người dung.

Chị **B** không biết về giá trị thật của tài sản, chị cũng không tìm hiểu, chị có nhắn cho chị **Đ** là chị bán phần thừa kế của chị với giá 100.000.000 đồng trong đó chị **B** sẽ mua vé máy bay cho cả gia đình anh **N**, chị **Đ** và các cháu vào **Đ** thăm nhà chị **B** và hoàn tất thủ tục. Chị **Đ** nói không có đủ số tiền trên thì chị **B** có nói là chưa lấy ngay mà lấy sau cũng được. Lúc đó, chị **B** nghĩ sẽ gửi thêm cho anh chị 10.000.000 đồng để anh chị nhang khói cho anh trai cùng cha khác mẹ của chị **B** đã mất là anh **Lê Đình Đ2**.

Số tiền 100.000.000 triệu mà chị **B** đưa ra hoàn toàn là do cảm tính, chị **B** chưa biết về giá trị tài sản, giá đất tại Hà Nội và vị trí nhà bà **L** đang ở. Chị **Đ** có nói sẽ trao đổi với anh **N**, bà **L** và trả lời nhưng không thấy phản hồi.

Chị **B** không đồng ý từ chối quyền thừa kế, chị xin nhận như một sự đền bù nhỏ nhoi cho những năm tháng không cha của chị và mong Tòa án phân chia tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp được chia di sản, chị **B** xin nhận phần thừa kế bằng tiền mặt.

*Tại bản tự khai đề ngày 13/5/2024, chị **Lê Thị Ngọc Đ** trình bày như sau:*

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954 là mẹ ruột chị **D**, anh **N**. Năm 1977, bà **L** kết hôn với ông **Đ1**, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **Đ**, Thành phố Hà Nội. Ông bà chung sống được chưa đầy nửa năm thì đến cuối năm 1977, bà **L** và ông **Đ1** ly thân, ông **Đ1** chuyển đi nơi khác sống, không rõ địa chỉ. Hai ông bà không có con chung. Do không rõ nơi ở của ông **Đ1** và không hiểu biết về pháp luật nên bà **L** chưa làm thủ tục ly hôn. Năm 1984, bà **L** đi xin con và sinh ra chị **D**. Năm 1988, bà **L** sinh ra anh **N**. Bà **D** và anh **N** không có quan hệ huyết thống với ông **Đ1**. Do quá trình làm thủ tục khai sinh phải khai sinh theo Đăng ký kết hôn, bà **L** với ông **Đ1** chưa ly hôn nên tên cha trong giấy khai sinh của của bà **D** và anh **N** vẫn ghi cha là **Lê Đình Đ1**.

Năm 2002, bà **L** làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56, diện tích 178m² tại thôn **G**, xã **V**, huyện **Đ**, thành phố Hà Nội. Ngày 25/7/2002, UBND huyện **Đ** đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà **Nguyễn Thị L**. Tại thời điểm bà **L** được cấp Giấy chứng nhận, trên đất có một gian

nhà ngói. Năm 2021, ngôi nhà được phá đi xây lại thành nhà mới. Nay do nhu cầu sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con nhưng do bà L và ông Đ1 vẫn là vợ chồng hợp pháp theo giấy tờ nên thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thực hiện được nên bà L khởi kiện chia thừa kế, yêu cầu xác định thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 là tài sản riêng của bà L thì chị Đ có quan điểm như sau:

Chị Đ kết hôn với anh N từ năm 2015, từ khi về làm dâu, chị Đ đã thấy có căn nhà mái ngói. Chị Đ cũng không biết rõ về tài sản nguồn gốc như thế nào. Nay bà L khởi kiện, chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của bà L. Chị Đ không đóng góp gì cho khối tài sản này nên đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai đề ngày 14/5/2024, chị Lê Thị D và anh Lê Đình N trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 là mẹ ruột chị D, anh N. Năm 1977, bà L kết hôn với ông Đ1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, TP Hà Nội. Ông bà chung sống được chưa đầy nửa năm thì đến cuối năm 1977, bà L và ông Đ1 ly thân, ông Đ1 chuyển đi nơi khác sống, không rõ địa chỉ. Hai ông bà không có con chung. Do không rõ nơi ở của ông Đ1 và không hiểu biết về pháp luật nên bà L chưa làm thủ tục ly hôn. Năm 1984, bà L đi xin con và sinh ra chị D. Năm 1988, bà L sinh ra anh N. Bà D và anh N không có quan hệ huyết thống với ông Đ1. Do quá trình làm thủ tục khai sinh phải khai sinh theo Đăng ký kết hôn, bà L với ông Đ1 chưa ly hôn nên tên cha trong giấy khai sinh của của bà D và anh N vẫn ghi cha là Lê Đình Đ1.

Năm 2002, bà L làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56, diện tích 178m² tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 25/7/2002, UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L. Tại thời điểm bà L được cấp Giấy chứng nhận, trên đất có một gian nhà ngói. Năm 2021, ngôi nhà được phá đi xây lại thành nhà mới. Nay do nhu cầu sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con nhưng do bà L và ông Đ1 vẫn là vợ chồng hợp pháp theo giấy tờ nên thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thực hiện được nên bà L khởi kiện chia thừa kế, yêu cầu xác định thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 là tài sản riêng của bà L. Nay bà L yêu cầu xác định thửa đất nêu trên là tài sản riêng của bà, anh chị đều có quan điểm: Anh chị sống với mẹ từ nhỏ tại thửa đất này, đến năm 2002 thì lấy chồng cùng làng. Chị không rõ nguồn gốc cụ thể của thửa đất mẹ con anh chị đang ở. Chị D, anh N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nhỏ, chị D, anh N đã sống với bà L tại căn nhà mái ngói này. Chị D, anh N cũng không biết rõ về tài sản nguồn gốc thế nào. Nay bà L khởi kiện, chị D và anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của bà L. Chị D và anh N không

đóng góp gì cho khối tài sản này nên đề nghị Tòa án không đưa anh chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2024, anh Lê Đình N1 và bà Nguyễn Thị B1 thống nhất khai như sau:

Ông Lê Đình Đ1 sinh năm 1945, chết năm 2017. Sinh thời, ông Đ1 có ở với bà Nguyễn Thị B1 từ năm 1972. Năm 1974, ông bà sinh con trai là anh Lê Đình N1. Năm 1977, ông Đ1 ra Hà Nội công tác và cưới bà L. Ông Đ1 và bà B1 có tổ chức lễ cưới còn có đăng ký kết hôn hay không thì không rõ do lâu ngày bà B1 không nhớ.

Quá trình sinh sống tại thị trấn N, ông Đ1 ở tại nhà đất riêng của ông Đ1, sau này, ông Đ1 chuyển công tác, ông Đ1 đã bán nhà, bán đất để đi ở với bà L.

Từ năm 1977, ông Đ1 bỏ bà B1 và con trai ra ở với bà L và không liên lạc hay thăm nom gì bà B1 và anh N1, cũng không xây dựng đóng góp gì vào khối tài sản hiện tại bà B1 đang sử dụng,

Sau này, khi ông Đ1 ốm đau, năm 1989, ông quay về ở với bà B1, sinh thêm chị Lê Thị B. Sau khi sinh chị B, ông Đ1 lại ra đi. Theo anh N1, bà B1 được biết thì ông Đ1 cũng không về ở với bà L. Ông Đ1 sống lang thang ở đâu thì bà B1 và anh N1 không rõ.

Năm 2017, ông Đ1 nằm viện tại Bệnh viện tỉnh Đ4 và nằm viện một mình chờ chết. Anh N1 tình cờ được hàng xóm thông tin cho biết ông Đ1 đang ốm nặng nên đã đón ông Đ1 về quê được vài hôm thì ông Đ1 chết.

Về quan hệ huyết thống: Anh Lê Đình N1, chị Lê Thị B là con của ông Đ1 và bà B1. Anh Lê Đình N, chị Lê Thị D không phải con của ông Đ1 mà là con riêng của bà L. Ông Đ1 và bà L có 01 con chung là Lê Đăng Đ3 (đã chết từ nhỏ).

Về quan hệ tài sản: Sinh thời ông Đ1 không để lại di sản gì cho các con, cả cuộc đời ông Đ1 không ở cố định nơi nào mà nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác. Các tài sản mà bà L, bà B1 có được là của riêng các bà.

Về tranh chấp tài sản tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, cụ thể thửa đất như thế nào thì bà B1, anh N1 không rõ. Thửa đất này là tài sản riêng của bà L, không có đóng góp gì của ông Đ1. Nay ông Đ1 chết, bà B1, anh N1 xác định không liên quan gì đến tài sản này và đề nghị Tòa án xác định tài sản có tranh chấp trong vụ án này là tài sản riêng của bà L. Bà B1, anh N1 từ chối quyền và nghĩa vụ với tài sản này để bà Nguyễn Thị L toàn quyền quyết định việc sở hữu, sử dụng, định đoạt.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V và Người làm chứng tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội thể hiện:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Đình Đ1 kết hôn năm 1977, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 23/8/1977. Sau khi kết hôn, ông Đ1 ở với bà L khoảng 3-4 tháng thì ông Đ1 bỏ bà L đi (từ cuối năm 1977), không lần nào quay về V,

Đ, Hà Nội nữa. Ông Đ1 đi đâu, làm gì thì địa phương không có thông tin. Ông Đ1, bà L có 01 người con chung là Lê Đình Đ2, sinh năm 1977, cháu Đ2 chết năm lên 6 tuổi, không rõ được khai tử hay không. Chính tay ông Nguyễn Trọng H1 - Nguyên cán bộ địa chính giai đoạn 2000 đến 2004 là người đón thi thể của cháu Đ2 đưa đi chôn cất, mộ phần của cháu Đ2 hiện tọa lạc tại nghĩa trang K, thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, ông Đ1, bà L không có con chung, con nuôi nào khác.

Con riêng: Bà L có 02 con riêng là Lê Đình N, sinh năm 1988 và Lê Thị D, sinh năm 1984. Hai người con này là con của bà L với người khác chứ không phải con của ông Đ1. Tuy nhiên, do thời điểm sinh anh N, chị D, hôn nhân giữa bà L và ông Đ1 vẫn tồn tại nên bà L đã khai sinh các con theo tên họ của ông Đ1. Ông Đ1 đã bỏ bà L ra đi từ lâu, ông Đ1 có con riêng ở đâu thì địa phương không rõ.

Về nguồn gốc tài sản có tranh chấp: Thửa đất số 67 tờ bản đồ 56 tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc của bố mẹ đẻ của bà L là cụ Nguyễn Trọng C (chết năm 1975) và cụ Nguyễn Thị B2 (chết năm 1979). Thửa đất này được bà L sử dụng lâu dài từ trước khi kết hôn với ông Đ1. Cụ B2, cụ C sinh thời sống trên thửa đất này và chết cũng ở đây, là đất cha truyền con nối, ông Đ1 không ở đây, không có công sức đóng góp gì vào nhà đất của bà L.

Năm 2002, thửa đất này được bà L kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vào sổ giấy Giấy chứng nhận số 427/QSDĐ/7/200 ngày 25/7/2002 mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị L. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận, hộ gia đình bà L có 03 người: bà Nguyễn Thị L, anh Lê Đình N, chị Lê Thị D.

Hiện tại bà L, anh N và vợ con anh N gồm chị Lê Thị Ngọc Đ (sinh năm 1991), cháu Lê Tú U (sinh năm 2016), cháu Lê Quỳnh L1 (sinh năm 2018) đang ở. Ngôi nhà trên đất là của bà L cùng anh N, chị Đ xây dựng.

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2024 tại UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội thể hiện:

Theo hồ sơ quản lý địa chính tại địa phương, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội qua các thời kỳ theo sổ mục kê và bản đồ năm 1984, chủ ở dụng là bà Nguyễn Thị L. Theo bản đồ năm 1994, thửa đất thuộc chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị L (bản đồ 364 đo năm 1994). Từ năm 1994 đến nay, bà L và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2002 mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị L theo sổ sổ hộ khẩu 238639 gồm 3 người: Bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị D, ông Lê Đình N.

Tại biên bản xác minh tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Ông Lê Đình Đ1 sinh năm 1945, chết năm 2017. Ông Đ1 trước khi chết cư trú tại Khu phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ông Đ1 và bà Nguyễn Thị B1 chung sống

với nhau từ năm 1972, 1973. Ông bà chung sống, không có đăng ký kết hôn. Năm 1974, ông bà có 01 con chung là **Lê Đình N1**. Năm 1990, ông bà sinh thêm chị **Lê Thị B**.

Quá trình chung sống, ông **Đ1** thường xuyên không ở tại địa phương, ông **Đ1** đi công tác tại Hà Nội khoảng năm 1977 thì có kết hôn với bà **Nguyễn Thị L**. Ngoài thông tin này, Cán bộ tư pháp **thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** không biết thêm thông tin gì về quan hệ hôn nhân của ông **Đ1**.

Cha mẹ ông **Đ1** là người tại **thị trấn N**, các cụ đã chết từ lâu và chết trước ông **Đ1**.

Về tài sản: Tại **thị trấn N**, ông **Đ1** không có tài sản gì.

Về nơi ở của ông **Đ1**: Trước khi chết một thời gian rất ngắn (Khoảng 01 tháng), ông **Đ1** được con trai là anh **Lê Đình N1** đón về chăm sóc và nuôi dưỡng, sau đó ông **Đ1** chết, được khai tử, vào sổ khai tử tại **UBND thị trấn N** (ngày chết 07/8/2017) và được chôn cất tại nghĩa trang tại **thị trấn N**.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** có diện tích 178m², có ranh giới rõ ràng, không bị lấn chiếm, không tranh chấp với các hộ liền kề. Thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các tài sản hình thành mới năm 2021 do bà **L** và vợ chồng anh **N**, chị **Đ** xây, trên đất có bà **L**, vợ chồng anh **N** và các con anh **N**, chị **Đ** ở.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện thửa đất 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** có diện tích 178m², các đương sự khẳng định sử dụng đúng hiện trạng, tài sản trên đất có 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép, cùng các công trình xây dựng khác như sân gạch, tường bao, công trình phụ, cổng đều được xây dựng năm 2021, các cây trồng trên đất (là cây hoa giấy và cây hoa mộc) là cây mới được trồng trên đất.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị L** là chị **Lê Thị Ngọc Đ** đại diện cho bà **L** trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xác định thửa đất 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** là tài sản riêng của bà **Nguyễn Thị L**. Các tài sản trên đất (gồm có các công trình xây dựng và cây cối) đều do bà **L**, anh **N**, chị **Đ** cùng đóng góp xây dựng, trồng trọt năm 2021. Chị **Đ** thay mặt nguyên đơn đọc “Đơn rút yêu cầu chia thừa kế của bà **Nguyễn Thị L**” tại phiên tòa, đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị L** về việc: Xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản là thửa đất nêu trên là của riêng bà **L**.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của các đương sự vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **B** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Đề nghị Toà án tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định quyền sử dụng đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** và tài sản gắn liền với đất là tài sản riêng của bà **Nguyễn Thị L**.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị L** về “ chia thừa kế di sản của ông **Lê Đình Đ1**”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và chia thừa kế, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chị **Lê Thị B** cư trú tại **1 Đường ¾, Phường C, Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Đối tượng của tranh chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**. Như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

+ Bị đơn chị **Lê Thị B** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Nguyễn Thị B1**, anh **Lê Đình N1** vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **B**, bà **B1**, anh **N1**.

+ Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Đình N**, chị **Lê Thị D** vắng mặt tại phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của bà **L**, anh **N**, chị **D** là chị **Lê Thị Ngọc Đ** có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà **L**, anh **N**, chị **D**.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy:

Các bên không có tranh chấp về quan hệ huyết thống. Lời khai của các bên và kết quả xác minh tại địa phương đều cho thấy: Ông **Lê Đình Đ1** sinh năm 1945, chết năm 2017. Ông **Lê Đình Đ1** và bà **Nguyễn Thị L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông **Đ1** và bà **L** là hôn nhân hợp pháp.

Sinh thời, ông **Đ1** có 01 người vợ hợp pháp là bà **Nguyễn Thị L**; Ông **Đ1** và bà **L** có một người con chung là cháu **Lê Đình Đ2** (đã chết từ nhỏ). Mặc dù ông **Đ1** không chung sống với bà **L** nhưng trong thời kỳ hôn nhân với ông **Đ1**, bà **L** có tình cảm với người khác sinh ra hai người con là anh **Lê Đình N**, sinh năm 1988 và chị **Lê Thị D**, sinh năm 1984. Ông **Đ1** chung sống với và **Nguyễn Thị B1**, không có đăng ký kết hôn và 02 người con chung là anh **Lê Đình N1** và chị **Lê Thị B**. Ông **Đ1** chết năm 2017, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Đ1** gồm: Bà **Nguyễn Thị L**, anh **Lê Đình N1**, chị **Lê Thị B**, anh **Lê Đình N**, chị **Lê Thị D**.

Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** có nguồn gốc từ cụ **Nguyễn Trọng C**, chết năm 1975 và cụ **Nguyễn Thị B2**, chết năm 1979 là bố mẹ đẻ của bà **L** để lại cho bà **L**. Sau khi kết hôn với bà **L**, ông **Đ1** và bà **L** cùng chung sống trên thửa đất của của bố mẹ đẻ bà **L**.

Ông **Đ1** và bà **L** chung sống được một thời gian ngắn (3-4 tháng), khoảng cuối năm 1977, ông **Đ1** đã bỏ đi và không một lần quay trở lại địa phương nơi bà **L** cư trú (là **Thôn Gia L3, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội**), không có trách nhiệm gì với gia đình, không hỏi han, thăm nom gì bà **L**, cháu **Đ2**.

Bà **Nguyễn Thị L** sử dụng tài sản này từ trước khi kết hôn với ông **Đ1**. Thời điểm ông **Đ1**, bà **L** kết hôn năm 1977, bà **L** chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài

sản vẫn thuộc di sản của cụ C, cụ B2. Năm 1984, bà L làm nhà. Đến năm 2002, H2 gia đình bà L (gồm bà L, anh N, chị D) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trở thành chủ sử dụng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H2 gia đình bà Nguyễn Thị L (số hộ khẩu số 238639 mang tên chủ hộ bà Nguyễn Thị L chỉ gồm 03 người: Bà Nguyễn Thị L (Chủ hộ), anh Lê Đình N, chị Lê Thị D). Ông Đ1 không ở trên đất này, không nhập khẩu về hộ gia đình Nguyễn Thị L, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có căn cứ xác định đây là tài sản riêng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đã được xác lập quyền về tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 và Khoản 5 Điều 176 Bộ luật dân sự 1995, đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 427/QSĐĐ/7/200 ngày 25/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp.

Chị D, anh N cùng xác định quyền sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất là của riêng bà L nên tự nguyện nhập vào khối tài sản chung đứng tên cá nhân bà Nguyễn Thị L nên ghi nhận sự tự nguyện của chị D, anh N.

Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện “yêu cầu xác định quyền sử dụng thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của bà” là có căn cứ, được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị L, anh Lê Đình N, chị Lê Thị D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý hành chính về đất đai để yêu cầu đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo Quyết định của của bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản gắn liền với thửa đất trên (như mô tả tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh) huyện Đ, thành phố Hà Nội được hình thành năm 2021, sau khi ông Đ1 chết. Anh N, chị D, bà L là những người cùng chung sức xây dựng nên các tài sản này. Anh N, chị D cùng thống nhất để cho một mình bà L đứng tên sở hữu tài sản nên ghi nhận sự tự nguyện của anh N, chị D.

2.2. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế tài sản của ông Lê Đình Đ1 trong thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Việc rút yêu cầu là tự nguyện, được chấp nhận nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.3. Về tài sản trên đất: Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất

nên không xem xét

[3] Về án phí: Bà **L** là người cao tuổi (trên 60 tuổi) không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 116 ; Khoản 5 Điều 176 Bộ luật dân sự 1995
- Điều 26, 35, 39; 203, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị L** về việc “Xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội**”.

+Xác định thửa đất số 67, tờ bản đồ số 56 tại **thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội** và các tài sản gắn liền với đất gồm có 01 nhà 2 tầng, bê tông cốt thép, 02 trụ công, sân gạch, tường bao nhà bếp lợp tôn, 01 cây hoa Giấy, 01 cây hoa Mộc thuộc quyền sở hữu, sử dụng của của bà **Nguyễn Thị L**.

+ Đình chỉ yêu cầu về chia thừa kế của bà **Nguyễn Thị L**.

- Về án phí: Bà **Nguyễn Thị L** không phải chịu án phí.
- Về quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị L** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị **Lê Thị B**, anh **Lê Đình N1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Triệu Thuý Hà